



# CHÍNH SÁCH DÂN TỘC CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC TRONG THỜI KÌ ĐỔI MỚI

TS NGUYỄN ĐỨC ÁI\*

**T**hực hiện chính sách dân tộc trên nguyên tắc đoàn kết, bình đẳng, giúp đỡ lẫn nhau giữa các dân tộc, đường lối đổi mới của Đảng tại Đại hội VI (12-1986) khẳng định: "... chính sách dân tộc luôn luôn là một bộ phận trọng yếu trong chính sách xã hội", "... Trong việc phát triển kinh tế, xã hội ở những nơi có đồng bào các dân tộc thiểu số, cần thể hiện đầy đủ chính sách dân tộc, phát triển mối quan hệ tốt đẹp gắn bó giữa các dân tộc trên tinh thần đoàn kết, bình đẳng, giúp đỡ nhau, cùng làm chủ tập thể; kết hợp phát triển kinh tế và phát triển xã hội, đẩy mạnh sản xuất và chăm lo đời sống con người, kể cả những người từ nơi khác đến và dân tại chỗ"<sup>1</sup>. Nhờ đó, sau gần 25 năm thực hiện đường lối đổi mới, công tác dân tộc và chính sách dân tộc đã có những chuyển biến tích cực.

*Thứ nhất*, đại đoàn kết toàn dân tộc trong thời đại ngày nay không chỉ dựa trên cơ sở thống nhất lợi ích chung là xây dựng nước Việt Nam "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh" mà còn phải biết phát huy các giá trị truyền thống quý báu của mỗi thành viên, của từng dân tộc, tạo thành sức mạnh tổng hợp. Đại đoàn kết toàn dân tộc là một bộ phận của đường lối đổi mới, là thành quả của công cuộc đổi mới. Chính vì vậy, đại đoàn kết toàn dân tộc đã trở thành mục tiêu và động lực của tiến trình phát triển đất nước trong thời kì đổi mới.

Nghị quyết Trung ương 9 khóa X của

Đảng đánh giá: "Chính sách xây dựng và phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc tiếp tục được triển khai rộng rãi, có kết quả... Đảng, Nhà nước có nhiều chính sách mới đem lại lợi ích cho các tầng lớp nhân dân, công nhân, nông dân, trí thức, đồng bào các dân tộc, tôn giáo, người Việt Nam ở nước ngoài; có nhiều chương trình dành cho đồng bào các dân tộc thiểu số, người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn; chính sách tôn trọng tự do tín ngưỡng, tạo điều kiện cho các tôn giáo hoạt động theo quy định của pháp luật"<sup>2</sup>. Các ngành, các địa phương đã quán triệt và thực hiện có kết quả các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; nhiều vấn đề phức tạp về dân tộc và tôn giáo, vấn đề dân sinh bức xúc được giải quyết. Công tác vận động người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS), vận động chức sắc, tín đồ các tôn giáo được coi trọng. Nhờ đó, khối đại đoàn kết toàn dân tộc không ngừng được củng cố và tăng cường trên cơ sở, nền tảng của khối liên minh công - nông - trí và thực hiện tốt nguyên tắc các dân tộc đều bình đẳng, đoàn kết, hợp tác, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ.

Đường lối đổi mới đúng đắn của Đảng là ngọn cờ đoàn kết, tập hợp nhân dân trong thời kì phát triển mới của đất nước. Tổ chức đảng và chính quyền các cấp có bước chuyển biến về công tác dân vận, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân nỗ

\* Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

lực đổi mới công tác, hoạt động ngày càng có hiệu quả hơn trong việc xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

*Thứ hai*, khối đại đoàn kết toàn dân tộc luôn được quan tâm xây dựng và củng cố, nhờ đó, đã phát huy được sức mạnh của toàn dân tộc nhằm thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội được đặt ra trong mỗi giai đoạn của cách mạng. Lãnh đạo phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN với xuất phát điểm của nền kinh tế thấp, Đảng ta chủ trương kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, kết hợp nội lực với ngoại lực; trong đó, nội lực đóng vai trò quyết định, ngoại lực giữ vai trò quan trọng. Nhờ đó, nền kinh tế của nước ta vẫn giữ được tốc độ tăng trưởng cao trong thời gian dài, giảm được tác động tiêu cực của suy thoái kinh tế thế giới, giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội... tạo tâm lý yên tâm đầu tư phát triển kinh tế của các thành phần kinh tế.

Nhiều cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân đã triển khai thực hiện những nhiệm vụ chủ yếu về chính sách dân tộc như tăng cường phát triển kết cấu hạ tầng khu vực miền núi, vùng đồng bào DTTS, bước đầu đáp ứng phát triển sản xuất và phục vụ đời sống đồng bào các dân tộc. Các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, như Chương trình 134, Chương trình 135 (giai đoạn II)... được triển khai tích cực đã đem lại kết quả quan trọng cho vùng đồng bào DTTS. Đến nay, 100% xã đặc biệt khó khăn có trường học, nhà mẫu giáo và các lớp bán trú dân nuôi. Các bản xa trung tâm đều có lớp cắm bản, tình trạng học ca 3 được xoá bỏ, tỉ lệ trẻ em trong độ tuổi đến trường đạt 90%-95%. Gần 100% xã miền núi có nhà văn hoá hoặc điểm bưu điện - văn hoá; nhiều thôn, bản có nhà sinh hoạt cộng đồng; gần 90% xã có điện thoại; 100% xã có tổ chức cơ sở đảng; gần 90% thôn bản có chi bộ, giảm số thôn, bản

không có đảng viên. Đội ngũ cán bộ người DTTS có bước trưởng thành, tỉ lệ cán bộ người DTTS trong hệ thống chính trị ở các cấp ngày càng được nâng lên...<sup>3</sup>.

Các chương trình, chính sách của Đảng và Nhà nước đã tạo cơ hội đột phá giúp người nghèo ổn định cuộc sống. Nhiều hộ đã thoát nghèo và vươn lên làm giàu, góp phần tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS, miền núi. Một số chính sách đặc biệt đã và đang làm thay đổi căn bản đời sống kinh tế - xã hội khu vực miền núi, vùng đồng bào DTTS. Nhiều chính sách đặc biệt đã tạo nên hiệu quả to lớn, giá trị nhân văn sâu sắc, như Chương trình 135, Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững. Chương trình xây dựng trung tâm cụm xã, với nguồn kinh phí đầu tư 600 tỉ đồng, xây dựng 245 công trình, đã được 29 tỉnh triển khai thực hiện đúng tiến độ xây dựng các hạng mục công trình và đã giải ngân 94% kế hoạch vốn<sup>4</sup>.

Kết quả đầu tư Chương trình 135 giai đoạn I, giai đoạn II kết hợp lồng ghép các chương trình, dự án trên địa bàn vùng DTTS và miền núi đã có tác động to lớn. Hệ thống giao thông nông thôn, kênh mương thuỷ lợi, phát thanh truyền hình, trường học, trạm y tế... được mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng hoạt động và phát triển đến vùng sâu, vùng xa. Các lĩnh vực y tế, văn hoá, giáo dục có bước chuyển biến tích cực. Công tác xóa đói, giảm nghèo đạt kết quả tốt, đời sống đồng bào DTTS nghèo từng bước cải thiện; trình độ đội ngũ cán bộ cấp xã, thôn, bản được nâng lên. Tỉ lệ hộ nghèo hàng năm giảm từ 3-4%. Tính đến hết năm 2009, đã có khoảng 110 xã của 26 tỉnh đã hoàn thành các mục tiêu đầu tư và được đưa ra khỏi Chương trình 135<sup>5</sup>. Đồng bào các dân tộc ngày càng tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và công cuộc đổi mới đất nước, đoàn kết cộng đồng, tích cực tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, tay nghề cho người lao động, giới

thiếu việc làm, xuất khẩu lao động được đẩy mạnh, giảm bớt tình trạng thiếu việc làm, thất nghiệp của người dân ở thành thị và nông thôn (trong 3 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội X của Đảng, đã giải quyết việc làm mới cho khoảng gần 5 triệu lượt lao động; số lao động và chuyên gia đi lao động ở các nước đạt gần 250 nghìn người, nâng tổng số lao động và chuyên gia Việt Nam làm việc ở nước ngoài lên trên 470 nghìn người, hàng năm gửi về nước trên 1,7 tỉ USD). Công tác xoá đói, giảm nghèo tiếp tục được quan tâm, đạt kết quả tích cực. Chuẩn nghèo được nâng lên, tỉ lệ hộ nghèo tiếp tục giảm ở tất cả các vùng, tỉnh, thành phố. Trong 2 năm 2006 - 2007, hộ nghèo tiếp tục giảm bình quân trên 300 nghìn hộ/năm, năm 2006 tỉ lệ hộ nghèo còn 15,5%, năm 2007 còn 14,8% (giảm được 7,2% so với cuối năm 2005). Trong đó, Tây Bắc còn 32,4%, Đông Bắc 23,4%, đồng bằng sông Hồng 10%, Bắc Trung Bộ 23,4%, duyên hải miền Trung 16,2%, Tây Nguyên 21,3%, Đông Nam Bộ 5,1%, đồng bằng sông Cửu Long 12,9%. Một số địa phương đã cơ bản xoá hết số hộ nghèo theo chuẩn quốc gia (như Đà Nẵng, Bình Dương, thành phố Hồ Chí Minh) và áp dụng chuẩn nghèo mới của địa phương cao hơn từ 1,5 - 2 lần so với chuẩn nghèo quốc gia<sup>6</sup>.

*Thứ ba*, phát triển giáo dục, đào tạo; xây dựng và phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, không ngừng nâng cao đời sống tinh thần của các dân tộc. Thực hiện chủ trương: đầu tư phát triển giáo dục, đào tạo là quốc sách hàng đầu, các cấp ủy và chính quyền đã luôn quan tâm đầu tư để nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, có chính sách ưu tiên đối với các DTTS, đồng bào vùng miền núi, vùng cao, vùng biên giới, hải đảo: “Đầu tư cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo tăng lên đáng kể. Năm 2005, chi cho giáo dục và đào tạo chiếm khoảng 18% tổng chi ngân sách nhà nước; đã huy động được nhiều nguồn vốn khác để phát triển giáo dục thông qua việc phát hành công trái giáo

duc, đóng góp của dân cư, của doanh nghiệp, vốn từ bên ngoài. Cơ sở vật chất của ngành đã được tăng cường, đặc biệt là đối với vùng núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số”<sup>7</sup>. Đánh giá sự lãnh đạo sau nửa nhiệm kỳ Đại hội X, Hội nghị Trung ương 9 khẳng định: “Giáo dục ở vùng sâu, vùng xa, vùng kinh tế - xã hội khó khăn được quan tâm phát triển hơn. Thực hiện nhiều chính sách hỗ trợ học sinh nghèo, trẻ khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, con em đồng bào các dân tộc thiểu số”<sup>8</sup>.

Hệ thống trường dân tộc nội trú được đầu tư xứng đáng với nhu cầu học tập của con em đồng bào DTTS. Đồng thời, Nhà nước có nhiều chính sách hỗ trợ, khuyến khích sự học tập, rèn luyện của học sinh DTTS không chỉ trong bậc học phổ thông mà cả trong quá trình học ở các trường dạy nghề, cao đẳng, đại học với các chính sách học bổng, cho sinh viên vay tiền để đóng học phí và chi phí khác trong quá trình học tập; chính sách xét tuyển học sinh là người DTTS cử đi đào tạo bậc đại học trong và ngoài nước...

*Thứ tư*, thực hiện tốt các chính sách y tế, chăm sóc, bảo vệ sức khỏe của nhân dân, đặc biệt quan tâm nhiều hơn đối với đồng bào DTTS. Công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân, đặc biệt đối với các DTTS tiếp tục được quan tâm. Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách, văn bản chỉ đạo, quy hoạch phát triển mạng lưới y tế và một số chương trình mục tiêu quốc gia chăm sóc sức khỏe nhân dân. Nhà nước đã tăng cường đầu tư nâng cấp các cơ sở y tế, mạng lưới khám chữa bệnh từ trung ương đến tỉnh, huyện, xã. Việc thực hiện có kết quả các chương trình y tế tại cộng đồng và khám chữa bệnh ban đầu cho người bệnh có thể bảo hiểm y tế, người nghèo tại xã đã góp phần tạo điều kiện để người dân tiếp cận dịch vụ y tế cơ bản có chất lượng hơn. Y tế dự phòng, công tác phòng, chống dịch bệnh được tăng cường; đã kịp thời khống chế, ngăn chặn không để dịch tiêu chảy cấp lan rộng, kéo dài; phòng chống có hiệu quả các bệnh sốt xuất huyết,

chân tay miệng... Đến nay, cả nước có 45% số xã đạt chuẩn quốc gia về y tế xã.

Tăng cường xây dựng, củng cố các thiết chế văn hoá; tiếp tục thực hiện các chương trình bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá tiêu biểu của dân tộc; trong đó, chú trọng khuyến khích, bảo tồn và phát huy văn hoá truyền thống của các DTTS. Hoạt động văn hoá ở cơ sở và phong trào *"Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư"*, các hoạt động thể dục, thể thao có bước phát triển. Báo chí, xuất bản, phát thanh, truyền hình phát triển nhanh, phong phú, đa dạng, có nhiều đóng góp tích cực.

*Thứ năm*, thực hiện chính sách dân tộc gắn liền với thực hiện chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước. Vấn đề đoàn kết dân tộc và đoàn kết tôn giáo được Đảng và Nhà nước ta khẳng định nhất quán là vấn đề có ý nghĩa chiến lược của cách mạng Việt Nam. Sống *"Tốt đời đẹp đạo"*, *"Đồng hành cùng dân tộc"* luôn là truyền thống, là mục tiêu chung của các tổ chức tôn giáo ở Việt Nam và là cơ sở hoà nhập, củng cố và tăng cường khối đại đoàn kết giữa đồng bào có tín ngưỡng, tôn giáo với đồng bào không có tín ngưỡng, tôn giáo. *"Tốt đời"* và *"đẹp đạo"* là hai mặt có mối quan hệ thống nhất với nhau. Đời sống xã hội ngày càng phát triển, đó là cơ sở và điều kiện để chăm lo hạnh phúc cho con người; trong đó, có đồng bào có đạo. Ngược lại, đồng bào tôn giáo sống *"Đẹp đạo"* cũng chính là góp phần làm cho các giá trị đạo đức, văn hoá tốt đẹp của dân tộc được nhân rộng phổ biến, được hiện thực hoá trong xã hội, góp phần củng cố và tăng cường vững chắc khối đại đoàn kết toàn dân.

Ngoài ra, thực hiện chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước, tổ chức và hoạt động của các cơ quan về vấn đề dân tộc không ngừng đổi mới và phát huy vai trò, sức mạnh của cả hệ thống chính trị trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Đặc biệt, ngày 10-5-2010, Đại hội đại biểu toàn quốc các DTTS Việt Nam đã khai

mạc. Đây cũng là dịp để Đảng và Nhà nước tôn vinh công lao to lớn của các DTTS đối với thắng lợi chung của cách mạng Việt Nam.

Tuy nhiên, việc thực hiện chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước trong thời gian vừa qua vẫn còn một số bất cập, yếu kém cần khắc phục như:

- Thành tựu xoá đói, giảm nghèo chưa thật vững chắc. Số hộ nghèo và tái nghèo ở một số vùng còn lớn, tỉ lệ hộ nghèo theo chuẩn mới còn cao. Đời sống nhân dân vùng sâu, vùng xa, vùng thường bị thiên tai còn nhiều khó khăn; nhiều vùng DTTS có tỉ lệ hộ nghèo cao hơn so với bình quân cả nước. Một số chính sách trợ giúp người nghèo, hộ nghèo, vùng nghèo chưa được tổ chức thực hiện tốt<sup>9</sup>.

- Công tác bảo vệ và chăm sóc sức khoẻ nhân dân còn nhiều bất cập. Hệ thống y tế chậm đổi mới, chất lượng dịch vụ y tế chưa đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của nhân dân; điều kiện chăm sóc y tế cho người nghèo, vùng sâu, vùng xa, vùng DTTS còn nhiều hạn chế.

- Quản lý lễ hội chưa chặt chẽ, chưa phân loại và hướng dẫn tổ chức phù hợp với từng loại lễ hội. Các thiết chế văn hoá còn thiếu, khai thác, sử dụng chưa hiệu quả. Mức hưởng thụ văn hoá của nhân dân còn thấp, chênh lệch lớn giữa các vùng, các tầng lớp dân cư. Chất lượng phong trào *"Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư"* còn hạn chế; danh hiệu gia đình văn hoá, khu phố, thôn, bản văn hoá ở nhiều nơi chưa đúng thực chất, nặng về hình thức. Công tác quản lý các hoạt động văn hoá (tổ chức biểu diễn, sản xuất băng, đĩa hình, karaoke, vũ trường...), quản lý báo chí (cả báo viết, phát thanh, truyền hình, internet, blog), xuất bản còn nhiều mặt buông lỏng, dễ nảy sinh tiêu cực và khuynh hướng không lành mạnh, rất bất lợi về công tác chính trị, tư tưởng.

- Công tác bảo vệ an ninh nội bộ, an ninh kinh tế, an ninh nông thôn, nhất là an ninh trên lĩnh vực tôn giáo, dân tộc, an ninh

tư tưởng văn hoá, an ninh thông tin, bảo vệ bí mật nhà nước còn có những sơ hở.

Bên cạnh đó, công tác định canh, định cư làm chưa tốt; đời sống kinh tế và văn hoá của đồng bào còn thấp; số người mù chữ còn nhiều; một số phong tục tập quán lạc hậu có hại chưa được xoá bỏ. Việc thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 26-3-2004 của Bộ Chính trị khóa IX về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài vẫn còn một số hạn chế trong việc khuyến khích, động viên Việt kiều đầu tư tại Việt Nam trong những ngành, lĩnh vực mà Việt Nam đang rất thiếu...

Để tiếp tục thực hiện tốt chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước, các cấp ủy, chính quyền và đoàn thể cần tập trung một số nội dung chủ yếu sau:

- Phát huy mọi nguồn lực để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, kìm chế lạm phát, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN phù hợp với đặc điểm, điều kiện của từng vùng, bảo đảm cho đồng bào các dân tộc khai thác thế mạnh của địa phương làm giàu cho mình và cho đất nước, tham gia tích cực vào sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN.

Đẩy mạnh công tác xoá đói, giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào DTTS, nhất là ở các xã vùng đặc biệt khó khăn, hoàn thiện và nâng cấp kết cấu hạ tầng cơ sở thiết yếu, tập trung đầu tư phát triển ở các địa phương còn nghèo; phát huy tiềm năng, lợi thế từng vùng, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Quan tâm đào tạo, dạy nghề, dịch vụ làm việc, tăng thu nhập, nâng cao chất lượng cuộc sống cho đồng bào các DTTS.

- Đầu tư phát triển giáo dục, đào tạo; trong đó, có chính sách ưu tiên đặc biệt phát triển giáo dục và đào tạo, coi trọng đào tạo cán bộ và đội ngũ trí thức cho các DTTS. Trước mắt, coi trọng đầu tư chương trình xóa mù chữ và phổ cập giáo dục trung

học cơ sở và các chương trình giáo dục miền núi, nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục, đào tạo, nhất là hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú các cấp; đưa chương trình dạy nghề vào các trường dân tộc nội trú; tiếp tục thực hiện tốt chính sách ưu tiên, cử tuyển con em đồng bào các DTTS vào học tại các trường đại học và cao đẳng. Thực hiện chính sách ưu tiên, khuyến khích đối với cán bộ là người DTTS, cán bộ công tác ở vùng DTTS và miền núi. Có chính sách với người có uy tín trong cộng đồng, kể cả một số chức sắc tôn giáo, già làng, trưởng bản.

- Đầu tư bảo tồn và phát triển giá trị văn hóa của cộng đồng các dân tộc Việt Nam và của từng dân tộc, tiếp thu những tinh hoa văn hóa nhân loại, xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Đồng thời bài trừ những tập tục lạc hậu cản trở sự tiến bộ của các dân tộc.

- Đầu tư trang thiết bị, cán bộ cho các cơ sở khám chữa bệnh cho các vùng DTTS, vùng khó khăn; nâng cao hơn nữa chất lượng công tác chăm sóc sức khỏe cho đồng bào DTTS.

- Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào các DTTS gắn với chính sách an ninh - quốc phòng, nhất là ở các địa bàn xung yếu, biên giới; ngăn chặn việc lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để phá hoại khối đại đoàn kết giữa các dân tộc, làm mất ổn định xã hội.

Quy hoạch phát triển kinh tế hàng hoá gắn với xây dựng nông thôn mới; xác lập quyền làm chủ cụ thể về đất đai của đồng bào DTTS, khắc phục căn bản tình trạng tranh chấp ruộng đất và di cư tự do ở các vùng DTTS hiện nay; giúp đỡ đồng bào định canh, định cư ổn định cuộc sống. Nhà nước có chính sách ưu đãi đặc biệt về vốn, miễn giảm thuế về cung ứng vật tư, chuyển giao công nghệ tiên tiến và tiêu thụ sản phẩm, kể cả xuất khẩu cho bà con các dân tộc; bảo đảm lương thực cho các vùng vận tải khó khăn, thiếu thốn lương thực, tạo điều kiện để đồng bào không quay lại cuộc

sống du canh, du cư, phát nương làm rẫy như trước kia.

Thực hiện đường lối đổi mới, Đảng ta tiếp tục khẳng định: “Đảng ta luôn coi vấn đề dân tộc và đoàn kết các dân tộc là vấn đề chiến lược, cơ bản, lâu dài của sự nghiệp cách mạng nước ta. Các dân tộc trong đại gia đình Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ; cùng nhau thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Chúng ta thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo tôn giáo của công dân, quyền sinh hoạt tôn giáo bình thường theo pháp luật. Đoàn kết đồng bào theo các tôn giáo khác nhau, đồng bào theo tôn giáo và đồng bào không theo tôn giáo. Đấu tranh ngăn chặn các hành vi lợi dụng các vấn đề dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo để hoạt động trái pháp luật, kích động, chia rẽ

nhân dân, chia rẽ các dân tộc, tôn giáo, làm phương hại đến lợi ích chung của đất nước”<sup>10</sup>. Thực hiện chính sách dân tộc trong giai đoạn hiện nay cần quán triệt phương châm: Lấy mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh làm điểm tương đồng□

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội thời kì đổi mới, NXB. CTQG. Hà Nội, 2005, tr. 101.

2, 6, 8. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa X, NXB. CTQG, H 2009, tr. 77-78, 36, 31.

3. Chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta: <http://baolangson.vn/node/195>.

4, 5. <http://www.baodantoc.vn>

7, 9, 10. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, NXB CTQG, H. 2006, tr. 154, 173, 42.

\* \* \* \* \*

## HỒ CHÍ MINH VỀ CÔNG CHỨC, CÔNG VỤ...

(Tiếp theo trang 12).

Để bảo đảm cho đội ngũ CB,CC thực sự là “công bộc” của dân, Chiến lược cũng chỉ rõ: “Thực hiện tốt quy chế dân chủ, mở rộng dân chủ trực tiếp ở cơ sở, bảo đảm cho dân tiếp xúc dễ dàng với các cơ quan công quyền, có điều kiện kiểm tra cán bộ, công chức, nhất là những người trực tiếp làm việc với dân”<sup>13</sup>.

Những quan điểm chỉ đạo của Đảng đã được Nhà nước triển khai thực hiện từ việc ban hành các văn bản pháp luật để điều chỉnh các quan hệ về công vụ, công chức đến việc tổ chức thực hiện các văn bản đó trong thực tế. Để xây dựng đội ngũ CB,CC ngày một chính quy hiện đại, Nhà nước đã ban hành Pháp lệnh CB,CC năm 1998 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2000, 2003) và Luật CB,CC năm 2008, các nghị định, thông tư hướng dẫn thực hiện Luật, Pháp

lệnh. Các văn bản đó đã thể hiện nội dung quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh, của Đảng ta đối với việc tuyển dụng, bổ nhiệm, đào tạo, giáo dục, v.v. nhằm xây dựng đội ngũ CB,CC đáp ứng yêu cầu quản lý đất nước, xây dựng nền hành chính trong sạch, hiện đại□

1. Hồ Chí Minh: Toàn tập, NXB. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.5, tr. 248.

2, 3, 6, 7, 8, 9, 10. Sdd, T.5, tr. 240-241, 269, 277, 273, 277, 270, 282.

4. Sdd, t.4, tr. 57

5. Sdd, t.4, tr. 57

11, 13. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng thời kì đổi mới, NXB. CTQG, H. 2005, tr.378, 217-218.

12. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, NXB CTQG, H. 2001, tr.135.